

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày: 10/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức

Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp A N, xã Đ A, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 và bà Võ Thị S, sinh năm 1947; có chồng là Hồ Minh N, sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 01 con tên Trần Thị Hương Tr, sinh năm 2011.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Hồ Công Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Bình Q, xã Hòa A, huyện CM, tỉnh An Giang.

* Người làm chứng:

1/ Anh Hồ Minh N, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Bình Q, xã Hòa A, huyện CM, tỉnh An Giang.

2/ Chị Hồ Kim Đ1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Bình Q, xã Hòa A, huyện CM, tỉnh An Giang.

3/ Anh Lê Hữu N1, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HTĐ, xã LH B, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Nguyễn Thị Bích V, Hồ Minh N ở cùng anh Hồ Công Đ tại ấp Tân Vọng, xã Vọng Thê, huyện TS, tỉnh An Giang để làm ruộng. Do làm lúa không được mùa nên sau khi bán lúa vào ngày 05/8/2018 được số tiền 126.000.000 đồng, vợ chồng V, Nhật bàn bạc nhau lấy số tiền bán lúa đem cất giấu rồi báo Công an bị mất trộm số tiền nêu trên với mục đích kéo dài thời gian trả nợ tiền phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Để thực hiện ý định này, V để số tiền 126.000.000 đồng trong bọc nylon màu đen để trong cốp xe mô tô hiệu Vision biển số 66V1 - 454.00, đến 04 giờ ngày 06/8/2018 V một mình thức dậy lấy số tiền trong cốp xe và tự nghĩ nếu chỉ mình mất tài sản thì mọi người sẽ nghi ngờ nên V thấy quần vải của anh Hồ Công Đ (anh chồng V) treo trên sào quần áo, trong túi quần có cái ví da bên trong có số tiền 3.600.000 đồng nên V lấy, sau đó thấy điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng của anh Đỉnh đang sạc pin để trên giường, V rút chui sạc lấy điện thoại, rồi bỏ tất cả tài sản lấy được vào trong bọc nylon đựng tiền rồi đem cất giấu trong thùng nhựa trong nhà. Đến 06 giờ cùng ngày, anh Đỉnh lấy tiền để tiêu xài thì phát hiện mất tiền và điện thoại nên anh Đỉnh kêu vợ chồng V, Nhật kiểm tra tài sản xem có mất gì không. V, Nhật giả vờ kiểm tra tiền để trong xe mô tô và tri hô mất số tiền 126.000.000 đồng nên cùng Nhật báo công an xã Vọng Thê. Sau khi báo Công an, sợ bị phát hiện nên V đem tài sản lấy trộm mang đi giấu cách nhà khoảng 100m, đến ngày 08/8/2018, V lấy số tiền 126.000.000 đồng cùng Nhật mang đi trả nợ, còn số tiền và điện thoại lấy của anh Đỉnh, V đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 10/8/2018, V đến Công an đầu thú và khai nhận hành vi lấy trộm tài sản của anh Đỉnh.

Ngày 19/10/2018, Nguyễn Thị Bích V đã khắc phục cho Hồ Công Đ số tiền 6.000.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐ ngày 06/9/2018, số 44/KL-HĐ ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TS, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng còn 70% có giá 2.380.000 đồng; 01 sim Mobiphone có giá 50.000 đồng. Tổng tài sản: 2.430.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSTS ngày 17 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích V. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích V từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường do bị cáo khắc phục và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích V khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nội dung vụ án được tóm tắt. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của

họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích V khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền 3.600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 cùng sim điện thoại trị giá là 2.430.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 6.030.000 đồng của anh Hồ Công Đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chân chính phục vụ cho nhu cầu của bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng ngược lại do thiếu hiểu biết, suy nghĩ nông cạn bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại mà bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tiền và điện thoại di động của bị hại, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất A N trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống nạn trộm cắp tài sản vẫn còn xảy ra nhiều trên địa bàn huyện nhà thời gian qua.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, trong quá trình điều tra bị hại có đơn không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo; bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng cải tạo tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Do đó có thể xử bị cáo mức hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích V 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích V cho Ủy ban nhân dân xã Đ A, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Bích V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện TS (2);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- CQĐT Công an huyện TS (1);
- CQ THA hình sự huyện TS (1);
- Chi cục THADS huyện TS (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo, bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm